

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI BỔ SUNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BDT ngày /11/2024 của Ban Dân tộc)

ĐVT: triệu đồng		
STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao
A	Dự toán thu	-
I	Tổng số thu	-
1	Thu phí, lệ phí	
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	
	Thu tiền cho thuê phòng trọ	
	Thu tiền phục vụ điều dưỡng ngoài tỉnh	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)	
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)	
4	Thu sự nghiệp khác	
	(Chi tiết theo từng loại thu)	
II	Số thu nộp NSNN	-
1	Phí, lệ phí	
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)	
3	Hoạt động sự nghiệp khác	
	(Chi tiết theo từng loại thu)	
III	Số được để lại chi theo chế độ	-
1	Phí, lệ phí	
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)	
3	Thu viện trợ	
4	Hoạt động sự nghiệp khác	

	(Chi tiết theo từng loại thu)	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-161.098.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	-161.098.000
1	Chi quản lý hành chính	-116.098.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-116.098.000
-	Hỗ trợ KP hoạt động đảng bộ cơ sở	0
-	Trang phục thanh tra	0
-	KP thuê hạ tầng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bình Định (theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban Dân tộc)	-41.936.060
-	KP thực hiện các nhiệm vụ đặc thù ngành dân tộc và hoạt động cơ quan Thường trực về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc	0
-	KP thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo QĐ 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	-15.000.000
-	KP tổ chức Hội thao cơ quan công tác dân tộc lần thứ XI năm 2024 tại tỉnh Bình Định	-4.603.940
-	KP tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện CTMTQG PT KT-XH vùng ĐB DTTS và MN, GD 2021-2025 tại tỉnh Bình Định	-4.558.000
-	KP tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh lần thứ IV/2024	0
-	KP triển khai Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024	-50.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-45.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-45.000.000
-	Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn chuyên ngành về công tác dân tộc	-45.000.000
-	KP đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức được cử đi học theo chính sách của tỉnh	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
	Cấp muối i ốt không thu tiền cho đồng bào dân tộc thiểu số	0

5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	

8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	0